

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 07/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư
một số Dự án trên địa bàn tỉnh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA IX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Xét Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 về quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung Quyết định chủ trương đầu tư các Dự án trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 15/BC-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư một số Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020, bao gồm:

1. Dự án Thủy lợi Ea Gir, xã Ea Sin, huyện Krông Búk.
2. Dự án Ổn định dân di cư tự do thôn Ea Rót, xã Cư Pui, huyện Krông Bông.

3. Dự án Nâng cấp đoạn đường kết nối đường Trần Quý Cáp (đoạn từ nút giao ngã 3 đường Trần Quý Cáp - đường Mai Thị Lựu đến đường Lê Duẩn).

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp Chuyên đề thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

Phụ lục I.1**Dự án Thủy lợi Ea Gir, xã Ea Sin, huyện Krông Búk**

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

I. Nội dung đã được phê duyệt:

1. Tổng mức đầu tư: 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng : 9.600.000.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 1.000.000.000 đồng;
- Chi phí khác : 127.000.000 đồng;
- Chi phí đền bù GPMB : 2.000.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 1.273.000.000 đồng.

2. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

- Giai đoạn 2019-2020: 8.000.000.000 đồng.
- Giai đoạn sau năm 2020: 6.000.000.000 đồng.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

1. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: 14.800.000.000 đồng (Mười bốn tỷ, tám trăm triệu đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng : 8.010.128.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 248.955.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 992.862.000 đồng;
- Chi phí khác : 806.842.000 đồng;
- Chi phí đền bù GPMB : 4.722.734.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 18.479.000 đồng.

2. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

- Giai đoạn 2019-2020: 8.000.000.000 đồng.
- Giai đoạn sau năm 2020: 6.800.000.000 đồng./.

Phụ lục I.2**Dự án Ổn định dân di cư tự do thôn Ea Rốt, xã Cư Pui, huyện Krông Bông**

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

I. Nội dung đã được phê duyệt:**1. Quy mô đầu tư:**

Cầu thôn Ea Lang: Cầu bê tông cốt thép dự ứng lực 03 nhịp x 33,0m. Bề rộng cầu $B_{\text{cầu}}=7,5\text{m}$; $K=6,5\text{m}$.

2. Cơ cấu chi phí trong tổng mức đầu tư được phê duyệt: 156.900.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn*), trong đó:

- Chi phí công tác chuẩn bị đầu tư	:	10.000.000.000	đồng;
- Chi phí xây dựng	:	111.612.854.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	1.477.244.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	7.549.108.000	đồng;
- Chi phí khác	:	3.979.559.000	đồng;
- Chi phí hỗ trợ	:	8.017.599.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	14.263.636.000	đồng.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:**1. Điều chỉnh, bổ sung quy mô đầu tư:**

- Cầu thôn Ea Lang: Cầu bê tông cốt thép dự ứng lực 05 nhịp x 33,0m. Bề rộng cầu $B_{\text{cầu}}=8,5\text{m}$; $K=7,5\text{m}$.

- Bổ sung hỗ trợ chi phí theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khai hoang di dời nhà ở, phát triển sản xuất, đào tạo nghề...).

2. Điều chỉnh cơ cấu chi phí trong tổng mức đầu tư được phê duyệt: 156.900.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn*), trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB	:	5.860.905.000	đồng;
- Chi phí xây dựng	:	125.610.106.000	đồng;
- Chi phí thiết bị	:	393.961.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	2.153.938.000	đồng;

-
- | | | | |
|----------------------------------|---|----------------|---------|
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | : | 8.314.460.000 | đồng; |
| - Chi phí khác | : | 2.125.148.000 | đồng; |
| - Chi phí hỗ trợ | : | 2.210.000.000 | đồng; |
| - Chi phí dự phòng | : | 10.231.482.000 | đồng./. |

Phụ lục I.3**Dự án Nâng cấp đoạn đường kết nối đường Trần Quý Cáp (đoạn từ nút giao ngã 3 đường Trần Quý Cáp -đường Mai Thị Lựu đến đường Lê Duẩn)**

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

I. Nội dung đã được phê duyệt:**1. Quy mô đầu tư chủ yếu:**

- + Chiều dài tuyến đường: 1.635.64 m;
- + Loại công trình: Công trình giao thông (Nhóm C).
- + Cấp công trình: Cấp III.
- + Phân loại đường phố: Đường phố khu vực (Đường phố gom).
- + Cấp kỹ thuật của đường đô thị: Cấp 40.
- + Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 40 \text{ Km/h}$ (Giai đoạn 1).
- + Mặt đường: Xây dựng mặt đường cấp cao chủ yếu loại A1.
- + Mô đun đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} > 155 \text{ Mpa}$.
- + Hệ thống thoát nước: Thiết kế hệ thống thoát nước dọc đô thị.
- + Tải trọng thiết kế:

Hạng mục công trình	Tải trọng thiết kế	Ghi chú
Nền, mặt đường	Trục xe 100 kN	Theo 22 TCN 211_06
Cống thoát nước qua đường	HL_93	Theo 22 TCN 272_05
Hệ thống thoát nước dọc (dưới lòng đường)	HL_93	Theo 22 TCN 272_05

- + Nút giao thông cùng mức.

- + Mặt cắt ngang đường: Có các mặt cắt ngang đường kèm theo.

+ Mặt cắt ngang đường Trần Quý Cáp: Căn cứ Công văn số 417/UBND- CN, ngày 27/1/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc chỉ giới đường Mai Thị Lựu, Trần Quý Cáp và nghiên cứu đường vành đai phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột ($B_{xd} = 30\text{m} = 6\text{m}$ Vĩa hè x 2 bên + 18m Mặt đường).

+ Mặt cắt ngang đường Y Nuê: Căn cứ Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk, về việc Ban hành quy định chỉ giới đường đỏ, kích thước mặt cắt ngang quy hoạch một số tuyến đường giao thông đô thị tại thành phố Buôn Ma Thuột; ($B_{xd} = 18\text{m} = 3.75\text{m}$ Vĩa hè x 2 bên $\pm$ 10.5m Mặt đường).

- Do tính chất về nguồn kinh phí có hạn và để giảm thiểu khối lượng đền bù, giải phóng mặt bằng, nên lựa chọn quy mô đầu tư xây dựng giai đoạn 1 này như sau:

TT	Chỉ mục	ĐVT	Kích thước
1	- Chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}}$	m	11
2	- Chiều rộng mặt đường $B_{\text{mặt}}$	m	10.5
3	- Vĩa hè B_{vh} (đầu tư giai đoạn sau)	m	Không xây dựng

+ Kết cấu mặt đường gồm 02 loại: Bê tông nhựa và bê tông xi măng.

+ Công trình thoát nước: Xây dựng hệ thống thoát nước dọc khép kín bằng bê tông và bê tông cốt thép; Tải trọng thiết kế HL₉₃.

* Đối với đoạn tuyến từ Km3+942.33 - Km5+077.20: Chưa có hệ thống thoát nước mưa, xây dựng mới hệ thống thoát nước.

* Đối với đoạn tuyến từ Km5+077.20 - Km5+189.93 ($L_d = 112.73$ m): Thuộc phạm vi đường hai đầu cầu và phạm vi Cầu Y Nuê đã được thi công xong (các hạng mục đường hai đầu Cầu Y Nuê như nền móng, mặt đường BTN rộng 10.5 m, hệ thống thoát nước đã hoàn thiện - phạm vi này không thiết kế).

Đối với đoạn tuyến từ Km5+189.93 - Km5+577.97: Chưa có hệ thống thoát nước mưa, xây dựng mới hệ thống thoát nước.

+ Hệ thống công thoát nước mưa khẩu độ thoát nước: Ø60, Ø80, Ø100 & Ø120cm; được thiết kế với quy mô vĩnh cửu.

+ Hệ thống báo hiệu đường bộ và an toàn giao thông: Tổ chức giao thông bằng vạch sơn, biển báo hiệu đường bộ theo QCVN 41:2016/BGTVT.

+ Bổ sung hạng mục trồng hoa, cây cảnh, cỏ thảm trên dải phân cách: Đoạn lý trình (đã được thi công) từ Km0+00 -:- Km3+942.33 ($\sum L_d = 3942.33$ m).

2. Tổng mức đầu tư dự án: 47.968.869.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi chín ngàn đồng).

3. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Tự An và phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

1. Điều chỉnh, bổ sung quy mô đầu tư:

* Bổ sung thêm đoạn tuyến kết nối từ Cầu Y Nuê đến đường Mai Thị Lựu (thuộc đường Y Nuê) gồm: Nền móng, mặt đường, công trình thoát nước, hệ thống an toàn giao thông và bổ sung thêm hạng mục cấp nước tưới cây cảnh, cỏ thảm trên dải phân cách đoạn đường Trần Quý Cáp đã thi công.

- Tổng chiều dài tuyến là $L = 464,99$ m.

- Hình thức xây dựng: Nâng cấp, mở rộng.

- Cấp hạng kỹ thuật:

- + Loại, cấp công trình : Công trình giao thông đô thị, cấp III.
- + Phân loại đường : Đường phố khu vực (Đường phố gom);
- + Cấp kỹ thuật của đường đô thị: Cấp 40.
- + Vận tốc thiết kế : $V_{tk}=40\text{km/h}$ (Giai đoạn 1).
- + Loại mặt đường : Cấp cao A1 (mặt đường bê tông xi măng).

(-) Mặt cắt ngang đường Y Nuê:

Chỉ giới xây dựng (m)	Mặt cắt quy hoạch đường Y Nuê (m)		
	Via hè (bên trái)	Mặt đường	Via hè (bên phải)
18	5,0	8,0	5,0

* Quy mô đầu tư Giai đoạn 1: Căn cứ hiện trạng công trình và do tính chất về nguồn kinh phí có hạn, để giảm thiểu khối lượng đền bù, giải phóng mặt bằng, nên lựa chọn quy mô đầu tư xây dựng đoạn từ cầu Y Nuê đến đường Mai Thị Lựu (Đường Y Nuê; từ lý trình Km0+00 - Km0+464,99) trong giai đoạn này như sau:

- Đoạn từ cầu Y Nuê đến đường Mai Thị Lựu (Đường Y Nuê; từ lý trình Km0+00 - Km0+464,99; $L_d=464,99\text{m}$);

- Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 8,5\text{m}$.

- Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 8,0\text{m}$, trong đó: Phần mặt bê tông nhựa $B_{mặt BTN} = 7,5\text{m}$, phần gờ bó vỉa bê tông 2 bên $0,25\text{m} \times 2\text{bên} = 0,5\text{m}$.

- Vía hè: Không xây dựng (Đầu tư giai đoạn sau).

- Công trình thoát nước.

- Hệ thống báo hiệu đường bộ và an toàn giao thông.

- Bổ sung hạng mục cấp nước tưới cây cảnh, cỏ thảm trên dải phân cách đoạn đường Trần Quý Cáp, lý trình (đã được thi công) từ Km0+00 - Km3+942.33 ($\sum L_d = 3942,33\text{ m}$).

2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: 51.808.129.000 đồng (Năm mươi một tỷ, tám trăm lẻ tám triệu, một trăm hai mươi chín nghìn đồng), tăng 3.839.260.000 đồng so với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

3. Điều chỉnh, bổ sung địa điểm thực hiện dự án:

Bổ sung chiều dài tuyến là $L = 464,99\text{m}$, có vị trí điểm đầu và cuối như sau:

+ Điểm đầu: Tại lý trình Km0+00 (trùng với Đ8 tại lý trình Km5+078.95) của dự án (Nút giao Ngã ba đường Trần Quý Cáp – Y Nuê), thuộc phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột.

+ Điểm cuối: Km0+464.99 (CT) giao với đường Mai Thị Lựu, thuộc phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột./.